

Số: /2026/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày tháng năm 2026

(Dự thảo)

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2026-2030 theo Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội và Luật số 87/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010 và Luật số 52/2019/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức;

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 89/2021/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 85/2023/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai quy định chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nguồn

nhân lực trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026-2030;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số .../TTr-SNV ngày/...../2026 về dự thảo Quyết định quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2026-2030 theo Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ Đào tạo nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2026-2030 theo Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chi tiết trình tự, thủ tục, hồ sơ và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong việc tổ chức thực hiện các chính sách thu hút, hỗ trợ, đào tạo nguồn nhân lực theo quy định tại Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai quy định chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026-2030.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp xã, các cá nhân có liên quan đến việc tổ chức thực hiện các chính sách theo quy định tại Khoản 1, Điều 2, Quy định kèm theo Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai quy định chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026-2030.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng điều kiện.
2. Bảo đảm đúng theo quy định tại Điều 3, Quy định kèm theo Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai quy định chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026-2030.

Điều 4. Quy trình, thủ tục và thời gian thực hiện chính sách thu hút

1. Xác định danh mục chuyên ngành cần thu hút

- 1.1. Tiêu chí xác định danh mục chuyên ngành cần thu hút:
 - Dự kiến có vị trí việc làm để bố trí người thu hút;
 - Trong 2 kỳ tuyển dụng gần nhất, số người đăng ký dự tuyển thấp hơn số chỉ tiêu cần tuyển (chưa tuyển được hoặc chưa đủ chỉ tiêu cần tuyển);

- Tỷ lệ người có trình độ, chuyên ngành cần thu hút thấp hơn tỷ lệ quy định của Bộ, ngành (về tiêu chí nhân lực); thấp hơn mục tiêu phát triển nhân lực theo Đề án của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh hoặc mục tiêu Đề án, Kế hoạch được Tỉnh ủy, UBND tỉnh phê duyệt (nếu có);

1.2. Các cơ quan, đơn vị căn cứ thực trạng nhân lực, nhu cầu sử dụng nhân lực trong giai đoạn 2026-2030 và các tiêu chí nêu trên để xác định chuyên ngành cần thu hút đối với từng nhóm đối tượng theo Điều 3 Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy (đối với các cơ quan khối đảng, đoàn thể), Sở Nội vụ (đối với các cơ quan khối chính quyền) để tổng hợp, thẩm định; Sở Nội vụ tổng hợp chung trình UBND tỉnh ban hành danh mục chuyên ngành cần thu hút.

2. Quy trình thực hiện chính sách thu hút

2.1. Các cơ quan, đơn vị căn cứ danh mục chuyên ngành cần thu hút do UBND tỉnh ban hành và số người làm việc còn thiếu, đăng ký nhu cầu thu hút theo từng vị trí việc làm, xác định rõ yêu cầu đối với người cần thu hút về trình độ, chuyên ngành đào tạo gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy hoặc Sở Nội vụ **trước ngày 01/6** hàng năm;

2.2. Ban Tổ chức Tỉnh ủy tổng hợp, thẩm định đăng ký nhu cầu thu hút của các cơ quan khối đảng, đoàn thể cấp tỉnh và cấp xã trình Thường trực Tỉnh ủy phê duyệt; thông báo nhu cầu thu hút trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh;

2.3. Sở Nội vụ tổng hợp, thẩm định đăng ký nhu cầu thu hút của các Sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh, UBND các xã, phường trình UBND tỉnh phê duyệt; thông báo nhu cầu thu hút trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh.

2.4. Căn cứ Quyết định phê duyệt kế hoạch, chỉ tiêu, ngành nghề thu hút của tỉnh, Sở Nội vụ và Ban Tổ chức Tỉnh ủy thông báo nhu cầu thu hút trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh để các đối tượng thu hút nộp hồ sơ đăng ký thu hút, tuyển dụng về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) đối với các đối tượng thuộc khối chính quyền hoặc Ban Tổ chức Tỉnh ủy đối với các đối tượng thuộc khối Đảng, đoàn thể để thực hiện quy trình thu hút, tuyển dụng theo quy định, cụ thể:

a) Đối với trường hợp tiếp nhận: Hồ sơ tiếp nhận đối với cán bộ, công chức, viên chức, gồm:

- Đơn xin chuyển công tác có xác nhận đồng ý cho chuyển của cơ quan có thẩm quyền;

- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan đang công tác;

- Bản sao các loại văn bằng, chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng (có chứng thực). Đối với văn bằng do cơ sở giáo dục đại học nước ngoài cấp phải có giấy công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định;

- Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở Y tế có thẩm quyền cấp có thời hạn không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

- Bản tự nhận xét, đánh giá về phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, quá trình công tác có xác nhận của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi công tác (trước khi chuyển đến);

- Bản sao các quyết định về tuyển dụng, tiền lương; Quyết định về kết quả

đánh giá xếp loại cán bộ, công chức, viên chức trong 3 năm gần nhất.

- Bản cam kết thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm nếu được hưởng chính sách thu hút.

b) Đối với trường hợp thu hút bằng hình thức tuyển dụng thực hiện theo quy định hiện hành về tuyển dụng công chức, viên chức của Bộ Nội vụ.

2.5. Phê duyệt danh sách, chế độ hỗ trợ thu hút

a) Sau khi đã thực hiện quy trình tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức hoặc tuyển dụng mới đối tượng được thu hút, các cơ quan, đơn vị quản lý đối tượng được thu hút tổng hợp danh sách, hồ sơ đề nghị cấp kinh phí cho người được thu hút trình UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ đối với các cơ quan, đơn vị khối nhà nước) hoặc Ban Tổ chức Tỉnh ủy (đối với các cơ quan, đơn vị khối đảng, đoàn thể) để tổng hợp, thẩm định. Hồ sơ đề nghị cấp kinh phí bao gồm:

- Văn bản đề nghị cấp kinh phí của cơ quan, đơn vị quản lý đối tượng được tiếp nhận, tuyển dụng;

- Quyết định tiếp nhận, tuyển dụng;

- Thông báo kết quả trúng tuyển;

- Bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học tương ứng với đối tượng thu hút. Đối với văn bằng do cơ sở giáo dục đại học nước ngoài cấp phải có giấy công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định;

- Bản cam kết thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của người được thu hút theo quy định tại khoản 6, Điều 4 Quy định kèm theo Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND.

b) Ban Tổ chức Tỉnh ủy thẩm định hồ sơ, đối tượng, chính sách thu hút, lập dự toán kinh phí trình Thường trực Tỉnh ủy phê duyệt danh sách, mức hỗ trợ thu hút đối với các trường hợp có đủ điều kiện, tiêu chuẩn về công tác tại các cơ quan, đơn vị thuộc khối Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp xã và các cơ quan nhà nước đối với các vị trí thuộc diện Thường trực, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý;

c) Sở Nội vụ thẩm định hồ sơ, đối tượng, chính sách thu hút, lập dự toán kinh phí trình UBND tỉnh quyết định phê duyệt danh sách, mức hỗ trợ thu hút đối với các trường hợp có đủ điều kiện, tiêu chuẩn về làm việc tại các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh, UBND các xã, phường.

2.6. Chi trả trợ cấp thu hút cho người được hưởng chế độ thu hút

a) Căn cứ quyết định phê duyệt của Thường trực Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Sở Tài chính tham mưu phân bổ kinh phí hỗ trợ thu hút cho các cơ quan, đơn vị quản lý CBCCVC để trực tiếp chi trả cho đối tượng được thu hút theo đúng chính sách.

b) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc các cơ quan, đơn vị khối Đảng, đoàn thể cấp tỉnh, Đảng ủy xã, phường chi trả trợ cấp thu hút một lần cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý có tên trong quyết định phê duyệt thu hút của Thường trực Tỉnh ủy, đồng thời gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy 01 bản quyết định chi trả thay báo cáo.

c) Giám đốc các sở, ban, ngành; người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường quyết định chi trả trợ cấp thu hút một lần

cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý có tên trong quyết định phê duyệt thu hút của Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời gửi Sở Nội vụ 01 bản quyết định chi trả để tổng hợp.

Điều 5. Quy trình, thủ tục và thời gian thực hiện hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực

1. Xác định danh mục chuyên ngành cần hỗ trợ đào tạo trình độ sau đại học

1.1. Tiêu chí xác định danh mục chuyên ngành cần hỗ trợ đào tạo:

Chuyên ngành cần hỗ trợ đào tạo phải đảm bảo các tiêu chí sau:

a) Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức có trình độ sau đại học ở chuyên ngành đó thấp hơn tỷ lệ chung toàn tỉnh hoặc thấp hơn mục tiêu của Chương trình, Đề án, Kế hoạch của Tỉnh ủy, UBND tỉnh hoặc của TW (nếu có);

b) Có yếu tố khó khăn khi thi tuyển, khó khăn trong quá trình học tập (tỷ lệ trúng tuyển thấp, quá trình học tập yêu cầu tính chuyên môn cao, chi phí học tập cao) nếu không hỗ trợ đào tạo sẽ không có cán bộ, công chức, viên chức đi học.

1.2. Các cơ quan, đơn vị căn cứ thực trạng nguồn nhân lực, nhu cầu sử dụng nhân lực trong giai đoạn 2026-2030 và các tiêu chí nêu trên để xác định chuyên ngành cần hỗ trợ đào tạo trình độ sau đại học gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy (đối với các cơ quan khối đảng, đoàn thể), gửi Sở Nội vụ (đối với các cơ quan khối chính quyền) để tổng hợp, thẩm định; Sở Nội vụ tổng hợp chung trình UBND tỉnh ban hành danh mục chuyên ngành cần hỗ trợ đào tạo.

Hàng năm, trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, đơn vị, địa phương, Sở Nội vụ tổng hợp, trình UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung danh mục chuyên ngành thu hút, hỗ trợ đào tạo (nếu có).

2. Quy trình cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo sau đại học theo chính sách hỗ trợ đào tạo

2.1. Cử cán bộ, công chức, viên chức đi ôn tập, dự thi:

a) Căn cứ đối tượng theo Điều 8, Quy định kèm theo Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND, căn cứ danh mục chuyên ngành cần hỗ trợ đào tạo sau đại học do UBND tỉnh ban hành, các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện:

- Các cơ quan, đơn vị thuộc khối Đảng, đoàn thể cấp tỉnh; Các sở, ban, ngành; đơn vị sự nghiệp trực thuộc tỉnh ủy, UBND tỉnh; Đảng ủy, UBND các xã, phường cử CBCCVC thuộc thẩm quyền quản lý đi ôn tập, dự thi;

- Trường hợp dự tuyển đào tạo ở nước ngoài phải báo cáo xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy), báo cáo xin ý kiến UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ).

2.2. Cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo

a) Các cơ quan, đơn vị thuộc khối Đảng, đoàn thể cấp tỉnh; đảng ủy xã, phường gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy để ban hành Quyết định theo thẩm quyền hoặc thẩm định trình Thường trực Tỉnh ủy ban hành Quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi học theo chính sách hỗ trợ đào tạo sau khi trúng tuyển;

b) Các Sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh, UBND các xã,

phường trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) ban hành Quyết định cử CBCCVC đi học theo chính sách hỗ trợ đào tạo sau khi trúng tuyển hoặc trình Tỉnh ủy đối với CBCCVC diện Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy quản lý.

c) Các trường hợp đi đào tạo sau đại học sau thời điểm Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND có hiệu lực và trước thời điểm Văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết này được ban hành thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương ban hành quyết định cử CBCCVC đi học (không yêu cầu phải có Quyết định cử đi học của Thường trực Tỉnh ủy hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh).

2.3. Cán bộ, công chức, viên chức sau khi hoàn thành khóa học, đã nhận Bằng tốt nghiệp, việc chi trả chế độ thực hiện như sau:

a) Các cơ quan, đơn vị, địa phương lập dự toán đề nghị hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo.

b) Trên cơ sở Quyết định của cơ quan có thẩm quyền cử đi học hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo của tỉnh; kinh phí thực hiện chính sách được cấp có thẩm quyền giao, các cơ quan, đơn vị thuộc khối Đảng; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh; các Sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh; đảng ủy, UBND xã, phường quyết định chi trả kinh phí hỗ trợ đào tạo cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý.

c) Đối với các trường hợp đi đào tạo sau đại học sau thời điểm Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND có hiệu lực và trước thời điểm Văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết này được ban hành chưa có quyết định cử đi học của Thường trực Tỉnh ủy hoặc Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện như sau:

- Gửi văn bản đề nghị phê duyệt danh sách hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo về Ban Tổ chức tỉnh ủy hoặc Sở Nội vụ (có kèm theo bản sao bằng tốt nghiệp và hồ sơ theo mục 2.4, khoản 2, Điều này);

- Ban Tổ chức tỉnh ủy, Sở Nội vụ tổng hợp, thẩm định trình Thường trực Tỉnh ủy hoặc Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt danh sách, kinh phí hỗ trợ đào tạo;

- Căn cứ Quyết định phê duyệt của Thường trực Tỉnh ủy hoặc Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, địa phương để chi trả cho đối tượng hưởng chính sách.

2.4. Hồ sơ trình đề nghị cử CBCCVC đi đào tạo sau đại học theo chính sách hỗ trợ đào tạo

Các cơ quan, đơn vị gửi văn bản đề nghị cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo về Ban Tổ chức Tỉnh ủy (đối với cơ quan, đơn vị thuộc khối Đảng, đoàn thể) hoặc Sở Nội vụ (đối với cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh) kèm theo hồ sơ như sau:

a) Đơn đề nghị cử đi học của cá nhân;

b) Bản cam kết thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của cá nhân;

c) Giấy báo trúng tuyển của cơ sở đào tạo;

d) Văn bản đề nghị của cơ quan quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức;
đ) Quyết định cử đi học của cấp có thẩm quyền (không áp dụng cho đối tượng được quy định tại điểm c, mục 2.2, khoản 2, Điều này);

e) Sơ yếu lý lịch:

- Đối với công chức, sử dụng mẫu 2c theo Quyết định số 02/2008/QĐ-BNV ngày 06/10/2008 của Bộ Nội vụ về việc ban hành mẫu biểu hồ sơ quản lý cán bộ, công chức;

- Đối với viên chức, sử dụng mẫu HS02-VC/BNV theo Thông tư số 07/2019/TT-BNV ngày 01/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ viên chức.

g) Kết quả đánh giá xếp loại cá nhân 2 năm liền kề với năm được cử đi học.

3. Quy trình hỗ trợ đào tạo bác sĩ nội trú đối với sinh viên trúng tuyển hoặc đang đào tạo trình độ bác sĩ nội trú

Sở Y tế chủ trì, phối hợp với sở Nội vụ, Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện như sau:

a) Căn cứ điều kiện, nhu cầu thực tế, Sở Y tế chủ trì, tham mưu văn bản đăng ký chỉ tiêu số lượng, chuyên ngành đào tạo bác sĩ nội trú của Ủy ban nhân dân tỉnh gửi các Trường Đại học Y.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Sở Y tế ký hợp đồng đào tạo với các trường Đại học Y (nếu cơ sở đào tạo yêu cầu); ký hợp đồng thỏa thuận hỗ trợ đào tạo với sinh viên và gia đình sinh viên đào tạo bác sĩ nội trú theo chính sách của tỉnh; Lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí đào tạo gửi Sở Nội vụ, Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chi trả cho cơ sở đào tạo hoặc sinh viên theo hợp đồng đã ký kết.

c) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí:

- Văn bản đề nghị phê duyệt của Sở Y tế (kèm danh sách đối tượng và mức kinh phí thực hiện chi trả)

- Hợp đồng thỏa thuận 3 bên giữa Sở Y tế, đơn vị đăng ký tiếp nhận và sinh viên thụ hưởng chính sách của tỉnh;

- Thông báo trúng tuyển bác sĩ nội trú của các Trường Đại học Y;

- Giấy xác nhận đang học bác sĩ của cơ sở đào tạo đối với sinh viên đăng ký diện tự thi đỗ.

- Sơ yếu lý lịch tự thuật theo quy định hiện hành;

- Bản sao giấy khai sinh, bản photo bằng tốt nghiệp bác sĩ hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời (có chứng thực).

đ) Phương thức chi trả:

- Kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ bác sĩ nội trú đối với sinh viên ngành y được cấp về Sở Y tế (từ nguồn ngân sách tỉnh và đơn vị đăng ký tiếp nhận) để trực tiếp chi trả cho cơ sở đào tạo theo hợp đồng đã ký kết (đối với sinh viên diện đào tạo theo địa chỉ) hoặc chi trả cho sinh viên đào tạo bác sĩ nội trú (diện tự thi đỗ);

- Hỗ trợ một lần sau khi sinh viên thi đỗ và ký hợp đồng thỏa thuận với tỉnh

(Sở Y tế).

4. Quy trình hỗ trợ sinh viên y khoa đang theo chuyên ngành y khoa hệ chính quy tại các cơ sở giáo dục đại học công lập đăng ký về tình công tác sau khi tốt nghiệp

Sở Y tế chủ trì thực hiện như sau:

a) Thông báo nội dung chính sách đến các sinh viên đã trúng tuyển hoặc đang theo học tại các trường đại học y khoa trong nước; hướng dẫn sinh viên đăng ký về tình công tác sau khi tốt nghiệp;

b) Tiếp nhận hồ sơ đăng ký của sinh viên; ký hợp đồng trách nhiệm với sinh viên và gia đình sinh viên về việc hỗ trợ đào tạo, nghĩa vụ công tác và trách nhiệm hoàn trả kinh phí hỗ trợ (nếu vi phạm cam kết); tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt danh sách, mức hỗ trợ sinh viên hàng năm; chi trả kinh phí hỗ trợ cho sinh viên;

c) Phối hợp với cơ sở đào tạo tiếp nhận bằng tốt nghiệp và hồ sơ của sinh viên sau khi tốt nghiệp; phối hợp với Sở Nội vụ trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch tuyển dụng sinh viên theo quy định của pháp luật;

5. Quy trình lựa chọn và hỗ trợ học sinh THPT đi đào tạo đại học chuyên ngành sư phạm tiếng Anh, tiếng Trung Quốc và các nhóm ngành công nghệ thông tin đăng ký về tình công tác sau khi tốt nghiệp

Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện như sau:

a) Xây dựng kế hoạch đào tạo chuyên ngành sư phạm tiếng Anh, tiếng Trung Quốc và các nhóm ngành công nghệ thông tin (hệ chính quy) trình UBND tỉnh quyết định phê duyệt cùng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm;

b) Tham mưu cho UBND tỉnh đăng ký chỉ tiêu đào tạo với Bộ Giáo dục & ĐT và các trường Đại học sư phạm, Đại học ngoại ngữ, các trường Đại học khác được Bộ giáo dục và Đào tạo Việt Nam công nhận (đối với sinh viên các nhóm ngành công nghệ thông tin); thông báo chỉ tiêu đào tạo tới các trường THPT và các trường có học sinh THPT trong tỉnh trước ngày 30/8 hàng năm;

c) Xây dựng kế hoạch tuyển sinh, phương án tuyển sinh phù hợp với quy định tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo để lựa chọn học sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn cử đi đào tạo; ký thỏa thuận hỗ trợ đào tạo với sinh viên và gia đình sinh viên;

d) Trình UBND tỉnh quyết định cử học sinh đủ điều kiện trúng tuyển đi đào tạo đại học chuyên ngành sư phạm tiếng Anh, tiếng Trung Quốc và các nhóm ngành công nghệ thông tin (hệ chính quy);

đ) Phối hợp với cơ sở đào tạo theo dõi, đánh giá, tổng hợp kết quả học tập của sinh viên, trên cơ sở đó đề xuất mức hỗ trợ học phí, sinh hoạt phí cho sinh viên hàng năm trình UBND tỉnh quyết định phê duyệt; chi trả chế độ hỗ trợ cho sinh viên.

e) Phối hợp với cơ sở đào tạo tiếp nhận bằng tốt nghiệp và hồ sơ của sinh viên sau khi tốt nghiệp; trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch tuyển dụng sinh viên theo quy định của pháp luật;

6. Hỗ trợ đại biểu HĐND cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố tham gia các lớp bồi dưỡng; quần chúng ưu tú ở thôn, tổ dân phố tham gia các lớp bồi dưỡng đối tượng đảng, đảng viên mới.

6.1. Các chức danh người hoạt động không chuyên trách thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định hiện hành. Trường hợp cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm chức danh không chuyên trách khi tham gia lớp bồi dưỡng dành cho đối tượng người hoạt động không chuyên trách thì không được hỗ trợ.

6.2. Cách thức chi trả kinh phí hỗ trợ bồi dưỡng

a) Căn cứ nhu cầu bồi dưỡng, kinh phí ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã và khả năng cân đối ngân sách cấp xã, UBND cấp xã nơi có Trung tâm chính trị quyết định giao kế hoạch bồi dưỡng, kinh phí triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định hiện hành về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, đại biểu HĐND và người hoạt động không chuyên trách của Tỉnh ủy, UBND tỉnh.

b) Trung tâm Chính trị cấp xã trực tiếp chi trả kinh phí hỗ trợ cho người học thuộc đối tượng được hỗ trợ theo khoản 5 Điều 10 Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND khi tham gia các lớp bồi dưỡng tại trung tâm.

Điều 6. Quy trình, thủ tục và thời gian thực hiện hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực khu vực nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số

Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính, UBND cấp xã và các trường cao đẳng, trung cấp công lập; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh thực hiện như sau:

1. Các trường cao đẳng, trung cấp công lập đề xuất chỉ tiêu đào tạo nghề trình độ cao đẳng, trung cấp nhóm ngành nghề phi nông nghiệp được hỗ trợ theo chính sách của tỉnh cho năm tiếp theo gửi Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 01/10 hàng năm để tổng hợp. Căn cứ kế hoạch, chỉ tiêu đề xuất của các trường, Sở Giáo dục và Đào tạo trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch, chỉ tiêu đào tạo nghề.

2. Căn cứ Quyết định phê duyệt kế hoạch, chỉ tiêu đào tạo nghề của tỉnh, các trường cao đẳng, trung cấp trên địa bàn tỉnh lập danh sách học sinh, sinh viên được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo. Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định hồ sơ, đối tượng, chính sách hỗ trợ, lập dự toán kinh phí gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định. Kinh phí cấp trực tiếp cho các trường cao đẳng, trung cấp công lập trên địa bàn tỉnh. Thời gian học sinh, sinh viên bị kỷ luật, ngừng học hoặc buộc thôi học, học lưu ban, học lại, học bổ sung thì sẽ không được hỗ trợ học phí.

3. Các trường cao đẳng, trung cấp công lập tiếp nhận hồ sơ của học sinh, sinh viên đề nghị hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề trình độ cao đẳng, trung cấp, hồ sơ gồm có:

a) Đơn xin miễn, giảm học phí (bản chính);

b) Giấy khai sinh (bản sao);

c) Bằng tốt nghiệp THPT (bản chứng thực) hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời (bản chính);

d) Sổ hộ khẩu/Giấy xác nhận thông tin về cư trú hoặc Chứng minh nhân dân/thẻ Căn cước công dân (bản chứng thực);

đ) Giấy chứng nhận hoàn thành nghĩa vụ quân sự và thẻ học nghề (đối với người học hoàn thành nghĩa vụ quân sự);

e) Giấy chứng nhận hoàn thành nghĩa vụ công an (đối với người học hoàn thành nghĩa vụ công an).

4. Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí của các trường đề nghị cấp kinh phí thực hiện chính sách giảm 70% học phí cho học sinh, sinh viên, hồ sơ gồm:

a) Tờ trình của các trường cao đẳng, trung cấp công lập đề nghị cấp kinh phí (kèm theo danh sách người học).

b) Quyết định phê duyệt kế hoạch, chỉ tiêu đào tạo nghề của cấp có thẩm quyền.

5. Chi trả kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp:

Kinh phí thực hiện hỗ trợ đào tạo nghề trình độ cao đẳng, trung cấp được ngân sách nhà nước cấp theo hình thức giao dự toán đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh để thực hiện chính sách đối với người học.

Điều 7. Quy trình, thủ tục thực hiện chính sách đãi ngộ

1. Chính sách đãi ngộ đối với CCVC làm việc tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã

a) Quy trình thực hiện chính sách

- UBND các xã, phường tổng hợp danh sách công chức làm việc tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã đề nghị hưởng chính sách gửi Văn phòng UBND tỉnh trước ngày 28/02 hàng năm; Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, thẩm định danh sách công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm phục vụ hành chính cấp tỉnh, cấp xã trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt danh sách, mức hỗ trợ (trang bị quần áo đồng phục);

- Căn cứ Quyết định phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Tài chính tham mưu phân bổ kinh phí thực hiện cho các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp chi trả chế độ hỗ trợ cho công chức, viên chức.

b) Hồ sơ đề nghị hưởng chính sách

- Quyết định cử công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm phục vụ hành chính công của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị (bản photo);

- Danh sách CCVC đề nghị hưởng chính sách.

2. Hỗ trợ đãi ngộ đối với CBCCVC biệt phái, luân chuyển

a) Quy trình thực hiện

- Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, UBND các xã, phường nơi có CBCCVC luân chuyển, biệt phái đến tổng hợp danh sách gửi Sở Nội vụ thẩm định hồ sơ, đối tượng, chính sách hỗ trợ.

- Sở Nội vụ gửi Sở Tài chính thẩm định hồ sơ, lập dự toán kinh phí trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt danh sách, mức hỗ trợ;

- Căn cứ Quyết định phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Tài chính tham mưu phân bổ kinh phí thực hiện cho các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp chi trả chế độ hỗ trợ cho công chức, viên chức.

b) Hồ sơ đề nghị hưởng chính sách

- Kế hoạch biệt phái, luân chuyển của Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Quyết định biệt phái, luân chuyển của cấp có thẩm quyền;
- Danh sách CBCCVC đề nghị hưởng chính sách.;
- Bản xác nhận của thủ trưởng đơn vị nơi biệt phái, luân chuyển đến về khoảng cách từ nơi thường trú (theo thực tế) đến cơ quan công tác.

Điều 8. Quy định về việc đền bù kinh phí hỗ trợ thu hút, hỗ trợ đào tạo

1. Khi có cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện phải bồi thường kinh phí trợ cấp thu hút theo quy định của Nghị quyết thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị (được giao thẩm quyền quyết định chi trả chế độ hỗ trợ thu hút) có trách nhiệm tổ chức việc thu hồi kinh phí, ra quyết định thu hồi kinh phí hỗ trợ thu hút để nộp về Kho bạc Nhà nước theo quy định; quyết định thu hồi kinh phí trợ cấp thu hút gửi về Sở Nội vụ 01 bản để tổng hợp, theo dõi chung.

2. Cán bộ, công chức, viên chức vi phạm cam kết thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ sau khi được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo thì phải đền bù chi phí đào tạo để nộp về Kho bạc Nhà nước theo quy định. Chi phí đền bù bao gồm:

a) Các khoản chi phí mà cơ quan đã chi trả cho khóa đào tạo;

b) Kinh phí hỗ trợ theo Chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thành lập Hội đồng xét đền bù chi phí đào tạo đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý. Thành phần của Hội đồng xét đền bù thực hiện theo quy định hiện hành.

Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét đền bù, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định mức đền bù chi phí đào tạo và gửi 01 bản Quyết định về Sở Nội vụ để theo dõi, tổng hợp chung.

4. Cách tính chi phí đền bù và cách thức thực hiện của Hội đồng xét đền bù thực hiện theo quy định hiện hành.

5. Đối với các trường hợp sinh viên vi phạm cam kết hỗ trợ đào tạo, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo thành lập Hội đồng xét đền bù chi phí đào tạo; Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét đền bù, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định mức đền bù chi phí đào tạo và gửi 01 bản Quyết định về Sở Nội vụ để theo dõi, tổng hợp chung; khởi kiện ra Tòa án theo quy định của pháp luật trong trường hợp sinh viên không thực hiện nghĩa vụ đền bù chi phí đào tạo.

Điều 9. Quy định về chế độ kiểm tra, báo cáo kết quả thực hiện chính sách

1. Định kỳ hàng năm, các cơ quan đầu mối (Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Văn phòng UBND tỉnh) báo cáo tình hình, kết quả thực hiện chính sách về Sở Nội vụ để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh;

2. Thời gian gửi báo cáo trước ngày 15/11 hàng năm.

Điều 10. Trách nhiệm thực hiện

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương

a) Triển khai nội dung Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức; tổng hợp, đề xuất cán bộ, công chức, viên chức thuộc đối tượng, đủ điều kiện hưởng chính sách gửi các cơ quan đầu mối tổng hợp, thẩm định;

b) Các cơ quan được giao đầu mối, chủ trì tổ chức thực hiện các chính sách và báo cáo kết quả thực hiện (bao gồm danh sách đối tượng hưởng chính sách và kinh phí thực hiện) về Sở Nội vụ theo định kỳ hằng năm (trước ngày 15/12) và kết thúc giai đoạn để kiểm tra và tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, HĐND tỉnh.

2. Ban Tổ chức Tỉnh ủy

a) Tham mưu trình Thường trực Tỉnh ủy quyết định:

- Quyết định thu hút bằng hình thức tiếp nhận hoặc tuyển dụng vào các cơ quan, đơn vị thuộc khối Đảng, Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp xã;

- Quyết định cử CBCC, viên chức các cơ quan, đơn vị thuộc khối Đảng, Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp xã đi đào tạo sau đại học theo chính sách hỗ trợ đào tạo của tỉnh theo phân cấp quản lý tổ chức và cán bộ;

b) Thực hiện quy trình thu hút, hỗ trợ đào tạo đối với cán bộ, công chức, viên chức theo thẩm quyền;

c) Tổng hợp, đề xuất danh mục các chuyên ngành cần thu hút; danh mục chuyên ngành cần hỗ trợ đào tạo sau đại học đối với các cơ quan, đơn vị thuộc khối Đảng, Ủy ban Mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh gửi Sở Nội vụ tổng hợp chung;

d) Tổng hợp kết quả thực hiện chính sách hàng năm, giai đoạn đối với cơ quan, đơn vị thuộc khối Đảng, Ủy ban Mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh gửi Sở Nội vụ tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện chính sách của tỉnh.

3. Sở Nội vụ

a) Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành quyết định quy định về danh mục các chuyên ngành tỉnh cần thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo; hằng năm rà soát, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung danh mục cho phù hợp với yêu cầu thực tế, trình UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh **trước ngày 01/12** (nếu có);

b) Tổng hợp, thẩm định hồ sơ các đối tượng thu hút, tuyển dụng theo chính sách của tỉnh, đồng thời tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện các quy trình tiếp nhận, tuyển dụng đối tượng thu hút theo quy định;

c) Tổng hợp, thẩm định trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt danh sách cán bộ, công chức, viên chức (sau khi đã có thông báo trúng tuyển) đi đào tạo hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết của HĐND tỉnh;

d) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan hướng dẫn, đôn

đốc, tổ chức kiểm tra việc thực hiện chính sách tại các cơ quan, đơn vị, địa phương; tham mưu UBND tỉnh biện pháp xử lý đối với các trường hợp vi phạm quy định của chính sách;

đ) Tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện chính sách báo cáo UBND tỉnh, HĐND tỉnh theo định kỳ hằng năm và kết thúc giai đoạn.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Là cơ quan đầu mối, chủ trì triển khai thực hiện chính sách thu hút, hỗ trợ đào tạo đối với giáo viên, giảng viên các cơ sở đào tạo;

b) Phối hợp với các cơ sở đào tạo giáo viên trong và ngoài tỉnh để thông tin, tuyên truyền về nội dung chính sách thu hút, hỗ trợ đào tạo của tỉnh đến sinh viên sư phạm; sinh viên các nhóm ngành công nghệ thông tin;

c) Hướng dẫn UBND xã, phường triển khai thực hiện chính sách thu hút, hỗ trợ đào tạo giáo viên;

d) Xây dựng kế hoạch thu hút giáo viên, giảng viên tại các cơ sở giáo dục và đào tạo hằng năm (có thể lồng ghép vào Kế hoạch tuyển dụng giáo viên, giảng viên hằng năm) trình UBND tỉnh phê duyệt;

đ) Tổng hợp, thẩm định trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt danh sách giáo viên, giảng viên hưởng chính sách thu hút; tổng hợp danh sách giáo viên, giảng viên cử đi đào tạo hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt;

e) Tổng hợp, thẩm định danh sách sinh viên sư phạm tiếng Anh, tiếng Trung Quốc; sinh viên nhóm ngành công nghệ thông tin đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo theo Nghị quyết của HĐND tỉnh trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt; ký hợp đồng hỗ trợ đào tạo đối với gia đình sinh viên; phối hợp với các cơ sở đào tạo trong việc quản lý, theo dõi kết quả học tập, chấp hành nội quy, quy chế của Nhà trường đối với sinh viên được tỉnh hỗ trợ đào tạo; thu hồi kinh phí thu hút, hỗ trợ đào tạo đối với các cá nhân vi phạm cam kết trách nhiệm;

g) Thực hiện chi trả kinh phí thu hút, hỗ trợ đào tạo cho viên chức theo đúng quy định; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) kết quả thực hiện chính sách theo định kỳ hàng năm, giai đoạn.

5. Sở Y tế

a) Là cơ quan đầu mối, chủ trì triển khai thực hiện chính sách thu hút, hỗ trợ đào tạo đối với viên chức ngành y tế;

b) Hàng năm, xây dựng kế hoạch năm tiếp theo liên hệ về thu hút Bác sỹ về công tác tại các lĩnh vực y tế tỉnh đang cần, đang thiếu; gửi kế hoạch về Sở Nội vụ tổng hợp trình UBND tỉnh cùng thời gian gửi kế hoạch tuyển dụng cán bộ, công chức; thông báo chính sách thu hút, hỗ trợ đào tạo bác sỹ của tỉnh đến các Trường THPT trong tỉnh, các cơ sở đào tạo bác sỹ trong nước;

c) Phối hợp với các cơ sở đào tạo trình độ đại học y, dược trong và ngoài tỉnh để thông tin, tuyên truyền về nội dung chính sách thu hút, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực ngành y tế theo Nghị quyết của HĐND tỉnh; Hướng dẫn các cơ sở y tế trong tỉnh triển khai thực hiện chính sách;

d) Tổng hợp, thẩm định danh sách sinh viên y khoa, viên chức ngành y tế đủ điều kiện hưởng chính sách thu hút theo Nghị quyết của HĐND tỉnh trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt (danh sách viên chức mới tuyển dụng hoặc mới chuyển công tác về tỉnh Lào Cai đủ điều kiện hưởng chính sách thu hút; danh sách sinh viên y khoa đăng ký về tỉnh công tác sau khi tốt nghiệp đủ điều kiện hưởng chính sách); ký hợp đồng hỗ trợ đào tạo đối với gia đình sinh viên; phối hợp với các cơ sở đào tạo trong việc quản lý, theo dõi kết quả học tập, chấp hành nội quy, quy chế của Nhà trường đối với sinh viên được tỉnh hỗ trợ đào tạo; thu hồi kinh phí thu hút, hỗ trợ đào tạo đối với các cá nhân vi phạm cam kết trách nhiệm.

đ) Tổng hợp danh sách viên chức ngành y tế cử đi đào tạo sau đại học hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt.

e) Thực hiện chi trả kinh phí thu hút, hỗ trợ đào tạo cho viên chức theo đúng quy định; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) kết quả thực hiện chính sách theo định kỳ hàng năm, giai đoạn.

6. Sở Tài chính

Trình UBND tỉnh cân đối, bố trí, quản lý dự toán ngân sách hàng năm để thực hiện Chính sách thu hút, hỗ trợ đào tạo và đãi ngộ; Căn cứ Quyết định phê duyệt hưởng chính sách của cấp có thẩm quyền, tham mưu cho UBND tỉnh phân bổ kinh phí thực hiện chính sách cho các cơ quan, đơn vị, địa phương.

7. Văn phòng UBND tỉnh

Là cơ quan đầu mối chủ trì hướng dẫn các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, cấp xã lựa chọn, bố trí CCVC có đủ phẩm chất, năng lực làm việc tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đãi ngộ đối với CCVC làm việc tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã.

8. Trường Chính trị tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo lý luận chính trị theo Nghị quyết của HĐND tỉnh đối với CBCCVC, đảng viên.

9. Trung tâm Chính trị các xã, phường trực tiếp triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đối với Đại biểu HĐND cấp xã không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố, được cử tham gia các lớp bồi dưỡng về lý luận chính trị, quản lý nhà nước, chuyên môn nghiệp vụ và các kiến thức bổ trợ khác; quần chúng ưu tú ở thôn, tổ dân phố tham gia bồi dưỡng đối tượng Đảng, đảng viên mới.

10. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

Tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND đến đoàn viên, hội viên, nhân dân, đồng thời phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội đối với việc thực hiện chính sách nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh bằng văn bản về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật – Bộ Tư pháp;
- TT. TU, TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh, các đoàn thể CT-XH tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm Thông tin và Hội nghị tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Công báo Lào Cai;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Thị Hiền Hạnh

